

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 3 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tôn Phước Thuận.

2/ Bà Đặng Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 990/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Trần Hưng Th, sinh năm 1989. (Có mặt).

Cư trú: số 946, tổ 13, ấp AN, xã AN, huyện C, tỉnh An Giang.

+ *Bị đơn:* Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1990. (Vắng mặt).

Cư trú: số 946, tổ 13, ấp AN, xã AN, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trần Hưng Th trình bày: Ông và bà T chung sống với nhau vào năm 2008 có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến 2015 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 08/2020 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi vợ hay ghen, gia đình hai bên gia đình không hàn

gắn. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn với Trần Thị Bích T.

- *Về quan hệ con chung*: Ông Th trình bày vợ chồng có 02 con Trần Ngọc Ch, sinh ngày 13/8/2009 và Trần Hưng P, sinh ngày 25/11/2012 hiện đang chung sống với bà T, khi ly hôn yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng

- *Về quan hệ tài sản chung*: ông Th trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung*: Ông Th trình bày không có.

+ Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Ông Trần Hưng Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Trần Thị Bích T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Trần Hưng Th khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị Bích T. Bà T có nơi cư trú tại số 946, tổ 13, ấp AN, xã AN, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] *Về nội dung vụ án*: Ông Trần Hưng Th và bà Trần Thị Bích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AN, huyện C, tỉnh An Giang ngày 04/9/2013 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của ông Trần Hưng Th, sau khi kết hôn thì vợ chồng P sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi vợ hay ghen tuông vô cớ. Trong thời gian sống ly thân gia đình hai bên không hàn gắn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho ông Th và bà T nhưng bà T đều vắng mặt, xem như đã tự từ bỏ quyền của mình nên Tòa án không hòa giải được, thể hiện bà T không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa ông bà. Do đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc ông Th yêu cầu ly hôn với bà T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung*: Ông Th và bà T có 02 con chung tên Trần Ngọc Ch, sinh ngày 13/8/2009 và Trần Hưng P, sinh ngày 25/11/2012 hiện đang chung sống với bà T, khi ly hôn đồng ý để vợ tiếp tục nuôi 02 con chung, không cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, ông Th đồng ý để bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con chung chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Mặc khác, quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu P và cháu Ch, qua ghi nhận 02 cháu có nguyện vọng được sống với bà T. Vì vậy, để bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung nên phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do bà Trần Thị Bích T không có ý kiến đối với yêu cầu của ông Trần Hưng Th về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- *Về quan hệ tài sản và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hưng Th.

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Hưng Th được ly hôn bà Trần Thị Bích T.

2/ *Về quan hệ con chung*: Bà Trần Thị Bích T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Ch, sinh ngày 13/8/2009 và Trần Hưng P, sinh ngày 25/11/2012. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Bích T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3/ *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ *Về quan hệ nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hưng Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0009094 ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh

